

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 02 - 2020

(*V/việc xin ly hôn*)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Cúc

Bà Trần Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 974/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 970/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Ngọc M, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Nhà không số, khóm M, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị M trình bày, chị và anh Nguyễn Minh T kết hôn năm 2002 đến năm 2012 mới đăng ký tại UBND xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng đến nay vẫn không giải quyết được, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên cãi vã nên không có hạnh phúc. Nguyên nhân anh T thường xuyên ăn nhậu say và đánh đập vợ con, có lần đánh đập chị tại nơi làm việc. Hiện chị và anh T đã không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Vào năm 2018 chị đi Malaysia làm việc thì anh T thường xuyên nhắn tin chửi bới và đe dọa, thậm chí có lần anh T còn đánh cả cha chị. Nay chị nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Trường hợp, Tòa án không chấp nhận cho chị ly hôn với anh T thì chị cũng không thể nào quay trở về chung sống với anh T.

Ý kiến của anh T: Anh T trình bày, anh và chị M cưới nhau năm 2002, đến năm 2012 mới đăng ký tại UBND xã T thành phố C, tỉnh Cà Mau. Anh xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn,

chưa đến mức phải ly hôn. Anh T xác định vẫn còn tình cảm với chị M. Vào năm 2017, do người khác dụ dỗ chị M đi theo sang Trung Quốc làm việc và sau đó về xin lỗi anh và anh, chị M tiếp tục chung sống vợ chồng với nhau. Vào năm 2018 chính anh là người đưa chị M lên xe sang Malaysia để làm việc, anh không hề đe dọa hay ngăn cản gì. Anh xác định, anh và chị M chính thức không sống chung từ tháng 11/2019 cho đến nay. Do không có mâu thuẫn lớn nên anh không đồng ý ly hôn với chị M.

Trường hợp, chị M kiên quyết ly hôn thì anh cũng không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ, con. Anh không hiểu lý do gì chị M yêu cầu xin ly hôn với anh. Tuy N, hiện nay anh cũng chưa có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng và chưa thuyết phục được chị M về chung sống với nhau.

- Về con chung: Chị M xác định có 01 Nguyễn Uyển N, sinh ngày 15/01/2008. Khi ly hôn chị M yêu cầu nuôi cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Trường hợp giao cho anh T trực tiếp nuôi con sẽ không đảm bảo cho cháu N, bởi vì khi anh T đối xử với cháu N rất tệ, mỗi khi anh T đi nhậu về thì cháu N rất sợ hãi, đồng thời có lúc anh T còn không cho cháu N ăn cơm.

Ý kiến của anh T: Anh T xác định có 01 con tên Nguyễn Uyển N, sinh ngày 15/01/2008 đúng như chị M trình bày. Khi ly hôn anh yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng. Lý do anh là người trực tiếp nuôi cháu N hơn 03 năm nay, chị M chỉ gửi là người tiền về nuôi con hàng tháng.

- Về tài sản chung: Chị M và anh T xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị M và anh T xác định không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của chị Đỗ Ngọc M về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Minh T thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Anh T là bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp 3, xã Tắc Vân, TpCà Mau, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Về hôn nhân: Chị M và anh T kết hôn với nhau vào năm 2002 đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn và được UBND xã T, thành phố C cấp giấy chứng nhận. Xét về mâu thuẫn của chị M và anh T trong thời gian chung sống vợ chồng là có xảy ra, do cả hai thừa nhận. Nay chị M xác định mâu thuẫn vợ chồng tiếp tục xảy ra, không giải quyết được và tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn. Đối với anh T xác định mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra không lớn, chưa đến mức phải ly hôn, nhưng anh T không có biện pháp để hàn gắn, thuyết phục cho chị M đoàn tụ, trở về cuộc sống của vợ chồng. Hiện tại anh T đã vắng mặt đến lần thứ hai tại phiên tòa, cho thấy anh T chưa quyết tâm để tìm giải pháp hàn gắn

tình cảm của vợ chồng. Ngược lại, tại phiên tòa chị M xác định không còn tình cảm với anh T và cương quyết ly hôn, trường hợp Tòa án không cho ly hôn thì chị cũng không thể về chung sống hạnh phúc với anh T. Chị M xác định thực tế và anh T xác định đã không còn sống chung với nhau từ tháng 11/2019 đến nay. Căn cứ tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên thì yêu cầu của M là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị M về việc xin ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị M và anh T xác định có 01 Nguyễn Uyên N, sinh ngày 15/01/2008 hiện đang ở chung với chị M. Khi ly hôn chị M và anh T đều có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con chung sau khi ly hôn của chị M và anh T: Hiện cháu Nguyễn Uyên N, sinh ngày 15/01/2008 do chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, cháu N còn nhỏ (chưa thành niên) là nữ, theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình khi ly hôn cha mẹ có nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên, trường hợp không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi dưỡng thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng, xem xét về nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi lên đến dưới 18 tuổi, để đảm bảo quyền lợi của con. Đối với cháu N trình bày ý kiến nguyện vọng mong muốn được chung sống với mẹ (là chị M) và hiện tại cháu N đang chung sống với chị M, có cuộc sống ổn định. Đối với anh T thừa nhận trong thời gian 03 năm gần đây anh là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, do chị M đi làm ở nước ngoài, nhưng chị M là người gửi tiền cho anh để nuôi dưỡng cháu N. Xét thấy, yêu cầu của chị M sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, không trái với đạo đức xã hội và đúng theo mong muốn, nguyện vọng của cháu N nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị M và anh T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị M và anh T xác định không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị M nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Ngọc M về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Uyên N, sinh ngày 15/01/2008 (hiện đang sống chung với chị M) cho chị M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị M không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị M và anh T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị M và anh T xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình chị M nộp 300.000đ. Vào ngày 12/12/2019, chị M đã dự nộp 300.000đ tại biên lai số 0001142 được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Chị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã **Tắc Vân**, TPCM
- Lưu hồ sơ.

(ĐÃ KÝ)

Diệp Chí Nguyễn